

Bản án số: **131/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 03/9/2025

*“Về việc ly hôn,
giao nuôi con chung khi ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quang.

2. Ông Hoàng Văn Hùng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện khu vực 1 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2024/TLST-HNGĐ ngày 15/4/2025 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 28/7/2025; quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15/8/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phương Thị Thanh H, sinh năm 2003; trú tại: Thôn H, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn H, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang).

(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Sầm Văn B, sinh năm 1998; trú tại: Thôn H, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn H, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang).

(Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Phương Thị Thanh H trình bày: Chị và anh Sầm Văn B đăng ký kết hôn vào năm 2022 tại UBND xã

Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã Đ, tỉnh Tuyên Quang) trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Tuy nhiên bản gốc giấy chứng nhận kết hôn hiện do anh Sầm Văn B giữ, nên chị không cung cấp được mà chỉ cung cấp được trích lục kết hôn do UBND xã Đ cấp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng bố mẹ chồng tại thôn H, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng có hạnh phúc, đến khoảng tháng 7/2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh B là người sống gia trưởng, luôn bắt chị phải làm theo ý của anh, nếu không nghe anh sẽ chửi bới, đe dọa. Anh B còn mải chơi, anh làm ra bao nhiêu tiền và chi tiêu như thế nào thì chị không hề được biết, giữa chị và anh B không có sự bàn bạc trong cách nuôi dạy con cái, cũng như làm ăn kinh tế. Bản thân chị khi đi làm công ty thì bị anh B cài định vị điện thoại để theo dõi. Do không chịu đựng được nữa nên đầu tháng 3/2025 chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở (cũng tại thôn H, xã Đ), vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị Sầm Văn B.

Về con chung: Chị Phương Thị Thanh H xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Sầm Minh K, sinh ngày 16/4/2022. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Phương Thị Thanh H xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị Phương Thị Thanh H xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh thể hiện: Anh Sầm Văn B có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn H, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang). Anh Sầm Văn B kết hôn với chị Phương Thị Thanh H vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã Đ, tỉnh Tuyên Quang) trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục. Sau ngày cưới anh chị sinh sống tại thôn H, xã Đ. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình và thôn hòa giải nhưng không thành. Chị H và anh B hiện đã sống ly thân từ tháng 3/2025 đến nay. Ở địa phương anh B là lao động tự do, thời gian gần đây anh B mua xe ô tô để chạy xe taxi nên không thường xuyên có mặt ở nhà, thi thoảng mới thấy anh B ở nhà.

Anh Sầm Văn B làm lao động tự do, lái xe taxi nên không thường xuyên có mặt tại địa phương. Toà án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần anh B đều vắng mặt không có lý do. Do vậy Toà án nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang chỉ tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ với nguyên đơn và không tiến hành hoà giải được.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát khu vực 1 – Tuyên Quang phát biểu ý kiến:
Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều đảm bảo đúng quy định. Đối với đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự (không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án).

Về việc giải quyết vụ án, Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phương Thị Thanh H được ly hôn với anh Sầm Văn B.

- Về con chung: Giao cháu Sầm Minh K, sinh ngày 16/4/2022 cho chị Phương Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Sầm Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Phương Thị Thanh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Chị Phương Thị Thanh H và anh Sầm Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã Đ, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 19/01/2022 (*Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 19/01/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang - nay là UBND xã Đ, tỉnh Tuyên Quang*), là hôn nhân hợp pháp. Chị Phương Thị Thanh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Sầm Văn B và giải quyết việc giao nuôi con chung khi ly hôn, không đề nghị giải quyết về tài sản chung, công nợ chung. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp

xác định là: “*Tranh chấp ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Kết quả xác minh xác định anh Sầm Văn B có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn H, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang). Căn cứ Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Tuyên Quang.

[3] Về tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Sầm Văn B nhiều lần nhưng anh B đều không hợp tác, cố tình vắng mặt không có lý do. Đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình trốn tránh nghĩa vụ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phương Thị Thanh H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Sầm Văn B vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Phương Thị Thanh H:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phương Thị Thanh H và anh Sầm Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 19/01/2022 tại UBND xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã Đ, tỉnh Tuyên Quang) là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến việc to tiếng cãi chửi nhau. Bản thân chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân được, trên thực tế chị và anh B đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, anh B mặc dù biết việc Tòa án triệu tập đến làm việc, tham gia hòa giải, nhưng anh B vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy anh B cũng không mong muốn Tòa án hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ. Kết quả xác minh tại địa phương xác định quá trình chung sống vợ chồng anh B và chị H có phát sinh mâu thuẫn, hai bên gia đình và thôn cũng đã hòa giải nhưng không thành, anh chị hiện đang sống ly thân.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh B đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H là chính đáng và có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận, xử cho chị Phương Thị Thanh H được ly hôn với anh Sầm Văn B.

[4.2] Về con chung:

Chị Phương Thị Thanh H và anh Sầm Văn B có 01 con chung là Sầm Minh K, sinh ngày 16/4/2022.

Xét thấy, cháu Sầm Minh K là con chung của chị Phương Thị Thanh H và anh Sầm Văn B nên anh chị đều cùng phải có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với cháu. Quá trình giải quyết chị H có quan điểm được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Sầm Văn B là lao động tự do, lái xe taxi thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, cháu K còn quá nhỏ, mới đủ 36 tháng tuổi nên cần nhiều tình thương của bố mẹ. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và đảm bảo quyền lợi của các đương sự sau khi ly hôn, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cháu Sầm Minh K, sinh ngày 16/4/2022 cho chị Phương Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Sầm Văn B có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng, do chị H không có yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] Về tài sản chung:

Chị Phương Thị Thanh H xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[4.4] Về công nợ chung:

Chị Phương Thị Thanh H xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí:

Chị Phương Thị Thanh H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Sầm Văn B không phải nộp án phí.

[6] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phương Thị Thanh H.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Phương Thị Thanh H được ly hôn với anh Sầm Văn B. (Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 19/01/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang - nay là UBND xã Đ, tỉnh Tuyên Quang).

2. Về con chung:

Giao cháu Sầm Minh K, sinh ngày 16/4/2022 cho chị Phương Thị Thanh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Sầm Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm:

Chị Phương Thị Thanh H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 000101 ngày 15/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang) và Giấy thu tiền tạm ứng án phí số 000003799654 của Công ty Cổ phần T ký ngày 15/4/2025. Anh Sầm Văn B không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 1;
- THA dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tạ Hồng Chiến